

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

-----o0o-----



BÀI GIẢNG

HỌC PHẦN: Kinh tế chia sẻ

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vi
LỜI NÓI ĐẦU	vii
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1. TÍNH CẤP THIẾT.....	2
2. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ CHIA SẺ.....	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 1. KHÁI LUẬN VỀ KINH TẾ CHIA SẺ	8
1.1. KINH TẾ CHIA SẺ VÀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4	8
1.1.1 Kinh tế chia sẻ.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.2 Các lợi ích cơ bản.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.3 Kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống.....	16
1.2. MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KINH TẾ CHIA SẺ	19
1.2.1. Mô hình ứng dụng kinh tế chia sẻ tiêu biểu	19
1.2.2. Các mô hình ứng dụng kinh tế chia sẻ	21
1.2.2.1. Thị trường mới (new marketplaces):	21
1.2.2.2. Thương mại và chia sẻ (Trade and sharing)	22
1.2.2.3. Người dùng cá nhân và nhà cung cấp chuyên nghiệp (Professionals and private individuals)	23
1.2.2.4. Góp vốn (Crowdfunding)	23
1.2.2.5. Nền tảng ngang hàng (Peer-to-peer: private individuals come into play)	23
CHƯƠNG 2. KINH TẾ CHIA SẺ VÀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0.....	25
2.1. SỰ HÌNH THÀNH PHƯƠNG THỨC KINH TẾ CHIA SẺ.....	25
2.1.1. Động lực hình thành kinh tế chia sẻ.....	25
2.1.2. Quá trình hình thành phương thức kinh tế	25
2.2. KINH TẾ CHIA SẺ DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4	27
2.2.1. Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.....	27
2.2.2. Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến sự hình thành phương thức kinh tế chia sẻ	33
2.3. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHIA SẺ.....	35
2.3.1. Vai trò của kinh tế chia sẻ trong nền kinh tế 4.0.....	35
2.3.2. Tác động của kinh tế chia sẻ đến nền kinh tế.....	40
2.3.3. Tương lai của kinh tế chia sẻ.....	42
CHƯƠNG 3. SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHIA SẺ TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM.....	45
3.1. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHIA SẺ.....	Error! Bookmark not defined.

3.2.	KINH TẾ CHIA SẺ TRÊN THẾ GIỚI.....	Error! Bookmark not defined.
3.2.1.	Ấn Độ	46
3.2.2.	Pháp	52
3.2.3.	Thái Lan	54
3.3.	KINH TẾ CHIA SẺ Ở VIỆT NAM.....	56
3.3.1.	Sự phát triển kinh tế chia sẻ ở Việt nam	56
3.3.2.	Chính sách phát triển nền kinh tế chia sẻ của Việt Nam.....	65
	CHƯƠNG 4. ỨNG DỤNG KINH TẾ CHIA SẺ TRONG PHÁT TRIỂN KẾT NỐI CHUỖI CUNG ỨNG XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM.....	56
4.1.	CHUỖI CUNG ỨNG XUẤT KHẨU RAU QUẢ.....	56
4.2.	THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG KINH TẾ CHIA SẺ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG XUẤT KHẨU RAU QUẢ VIỆT NAM	74
4.2.1.	Một số nền tảng kinh tế chia sẻ trong nông nghiệp ở Việt Nam.....	74
4.2.2.	Phân tích thực trạng ứng dụng kinh tế chia sẻ trong phát triển kết nối chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả Việt Nam	77
4.2.3.	Phân tích về tiềm năng ứng dụng kinh tế chia sẻ từ góc nhìn của các nhà cung cấp ứng dụng (platform).....	87
4.2.4.	Phân tích chi phí lợi ích trong việc ứng dụng kinh tế chia sẻ trong phát triển kết nối các trang trại rau quả.....	93
4.3.	ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG KINH TẾ CHIA SẺ TRONG PHÁT TRIỂN KẾT NỐI CHUỖI CUNG ỨNG XUẤT KHẨU RAU QUẢ VIỆT NAM DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4 GIAI ĐOẠN 2015-2019	100
4.3.1.	Những thành tựu đạt được.....	100
4.3.2.	Tồn tại và nguyên nhân	104
4.3.2.1.	<i>Tồn tại</i>	104
4.3.2.2.	<i>Nguyên nhân:</i>	110
4.4.	GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG KINH TẾ CHIA SẺ TRONG PHÁT TRIỂN KẾT NỐI CHUỖI CUNG ỨNG XUẤT KHẨU RAU QUẢ VIỆT NAM DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4	112
4.4.1.	Nhóm giải pháp về mô hình ứng dụng kinh tế chia sẻ trong phát triển kết nối chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả Việt Nam	112
4.4.2.	Nhóm giải pháp cho các chủ thể và trung gian trong chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả Việt Nam nhằm ứng dụng kinh tế chia sẻ trong phát triển chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả Việt Nam	116
4.4.3.	Nhóm giải pháp cho các nhà cung ứng dịch vụ kinh tế chia sẻ nhằm phát triển kết nối chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả Việt Nam	118
4.5.	MỘT SỐ KIẾN NGHỊ TẠO ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG KINH TẾ CHIA SẺ TRONG PHÁT TRIỂN KẾT NỐI CHUỖI CUNG ỨNG XUẤT KHẨU RAU QUẢ VIỆT NAM DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4.....	119

4.5.1. Về phía chính phủ	120
4.5.2. Về phía Hiệp hội nông dân, các Hiệp hội rau quả ở tỉnh, thành phố và Trung ương của Việt Nam	125
KẾT LUẬN.....	126
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	128

Tailieu.vn

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Platform	Nền tảng
UDKTCS	Ứng dụng kinh tế chia sẻ
CCU'XKRQ	Chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả
CCU'	Chuỗi cung ứng
KTCS	Kinh tế chia sẻ
DN-HTX	Doanh nghiệp-Hợp tác xã rau quả
DN	Doanh nghiệp rau quả
HTX	Hợp tác xã
ND	Nông dân
SX	Sản xuất
BVTV	Bảo vệ thực vật
XK	Xuất khẩu

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Danh mục bảng

Bảng 2.1 Xếp hạng về sự chuẩn bị cho CMCN 4.0 của Việt Nam so với các nước ASEAN	332
Bảng 4.1. Đánh giá lợi ích của việc tham gia kinh tế chia sẻ của các đơn vị trong khâu trồng trọt rau quả	86
Bảng 4.2 Đánh giá lợi ích của việc tham gia kinh tế chia sẻ của các đơn vị trong khâu xuất khẩu rau quả.....	89
Bảng 4.3. Hiện trạng phát triển các nền tảng phục vụ KTCS.....	94
Bảng 4.4. Năng lực phát triển các nền tảng phục vụ KTCS	95
Bảng 4.5. Đánh giá các dịch vụ CNTT	95
Bảng 4.6. Đánh giá về “tiềm năng” phát triển một HTTT ứng dụng Kinh tế chia sẻ dành cho chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả	96
Bảng 4.7. Đánh giá về các lợi ích của một nền tảng cho mô hình kinh tế chia sẻ dành cho chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả.	97
Bảng 4.8. Chi phí lợi ích của kịch bản đơn vị trồng thanh long chưa ứng dụng Kinh tế chia sẻ	9400
Bảng 4.9. Chi phí lợi ích của kịch bản đơn vị trồng thanh long ứng dụng kinh tế chia sẻ	101
Bảng 4.10 Hiệu quả kinh tế của đơn vị trồng thanh long ruột trắng năm 2018.....	97
Bảng 4.11. Ước tính chi phí lợi ích phát sinh khi áp dụng kinh tế chia sẻ	99

Danh mục hình vẽ

Hình 1.1 Một số nền tảng ứng dụng kinh tế chia sẻ	8
Hình 1.2 Ba thành tố chính của Kinh tế chia sẻ.....	9
Hình 1.3. So sánh tăng trưởng của mô hình kinh tế chia sẻ và truyền thống	16
Hình 1.4 Mô hình ứng dụng kinh tế chia sẻ.....	18
Hình 2.1 Mức độ sẵn sàng chuẩn bị cho CMCN 4.0 của Việt Nam so với các nước ASEAN	31
Hình 3.3: Các nước có tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ kinh tế chia sẻ cao nhất thế giới.....	66
Hình 4.1 Sơ đồ chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả Việt Nam	73
Hình 4.2. Sàn giao dịch tôm Việt.....	79
Hình 4.4. Sàn giao dịch nông nghiệp, thực phẩm, thủy sản sạch Việt Nam.....	80
Hình 4.5. Sàn Novelind kết nối các chủ thể của chuỗi xuất khẩu nông sản	81
Hình 4. 6 Mức độ hiểu biết về kinh tế chia sẻ	87
Hình 4.7 Chi phí xây dựng ban đầu cho một nền tảng KTCS cho chuỗi xuất khẩu rau quả.	89
Hình 4.8 Mô hình kinh tế chia sẻ trong chuỗi cung ứng rau quả.....	112

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh tế chia sẻ nổi lên từ những năm đầu thế kỷ 21, được tiếp sức nhờ cách mạng công nghiệp 4.0 với nền tảng Big Data và Internet, nên phát triển nhanh chóng thành một mô hình kinh doanh mới có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới. Kinh tế chia sẻ bắt đầu phát triển ở Việt Nam trong những năm gần đây, mang lại nhiều lợi ích cho nhà cung cấp dịch vụ chia sẻ, người tiêu dùng và người bán hàng. Đây là một mô hình kinh tế mới năng động và phù hợp với các nền kinh tế nhỏ bị chia cắt bởi các doanh nghiệp có quy mô nhỏ.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của nhóm nghiên cứu Kinh tế chia sẻ-Đại học Thương Mại và các đồng nghiệp trong Bộ môn, Khoa và Nhà trường đã tạo điều kiện để tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ về Ứng dụng kinh tế chia sẻ trong phát triển kết nối chuỗi cung ứng xuất khẩu rau quả Việt Nam và hoàn thành cuốn sách tham khảo về Kinh tế chia sẻ dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Bài mở đầu:
Tổng quan học phần Kinh tế chia sẻ

1. Một số khái niệm
2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần
3. Mục tiêu nghiên cứu của học phần
4. Bối cảnh kinh tế thế giới

TaiLieu.vn

PHẦN MỞ ĐẦU

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

Theo *Schor (2016)* Kinh tế chia sẻ (sharing economy) là một mô hình thị trường tương lai, trong đó đề cập đến mạng ngang hàng chia sẻ quyền truy cập vào hàng hóa và dịch vụ (phối hợp thông qua các dịch vụ trực tuyến dựa vào cộng đồng). Khái niệm này không phải là mới. Việc chia sẻ các nguồn tài nguyên là ví dụ nổi tiếng trong doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) như máy móc thiết bị trong ngành nông nghiệp và lâm nghiệp cũng như trong kinh doanh với người tiêu dùng (B2C) như giặt là tự phục vụ. Có ba yếu tố chính cho phép chia sẻ các nguồn lực cho các hàng hóa và dịch vụ mới cũng như các ngành mới. Thứ nhất, hành vi của khách hàng đối với nhiều hàng hóa và dịch vụ thay đổi từ sở hữu đến chia sẻ. Thứ hai, các mạng xã hội trực tuyến và thị trường điện tử dễ dàng hơn liên kết người tiêu dùng. Và thứ ba, các thiết bị di động và các dịch vụ điện tử làm cho việc sử dụng hàng hóa được chia sẻ và các dịch vụ thuận tiện hơn (ví dụ ứng dụng điện thoại thông minh thay vì chìa khóa vật lý).

Mặc dù kinh tế chia sẻ tận dụng các thành tố của CMCN 4.0 trong công nghệ số như Vạn vật kết nối, Dữ liệu lớn, nhưng kinh tế chia sẻ đã xuất hiện từ trước đó vì nền tảng internet đã có từ mấy thập kỷ nay. Theo *Schor (2016)* thì khái niệm kinh tế chia sẻ đã xuất hiện từ những năm đầu thế kỷ 21 và thường được đề cập như là một loại hình tiêu dùng cộng tác bao gồm ba cấu thành: Hệ thống sản phẩm dịch vụ (Hàng hóa thuộc sở hữu tư nhân có thể được chia sẻ hoặc cho thuê thông qua chợ peer-to-peer), thị trường phân phối lại (Một hệ thống hợp tác tiêu thụ các sản phẩm sẵn có), lối sống hợp tác (Hệ thống này được dựa trên những người có nhu cầu tương tự hoặc lợi ích giống nhau để chia sẻ và trao đổi tài sản).

Kinh tế chia sẻ thực sự bùng nổ nhờ cách mạng công nghiệp 4.0. Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, cuộc cách mạng 4.0 và kinh tế chia sẻ, trên thế giới đã có ngày càng nhiều các nghiên cứu về ứng dụng kinh tế chia sẻ. Trong nghiên cứu của *Chen (2003)* đã nêu ra được tính ứng dụng của việc chia sẻ thông tin trong việc điều phối chuỗi cung ứng. Nghiên cứu của *Mikurak (2006)* lại phân tích về vấn đề chia sẻ công nghệ khi lập kế hoạch về cung và cầu trong một môi trường chuỗi cung ứng dựa vào mạng lưới. Nghiên cứu của *Gunasekaran, Lai et al. (2008)* nêu ra ưu điểm của việc áp dụng công nghệ thông tin trong kinh tế mạng (một thể hiện khác của kinh tế chia sẻ) trong việc xây dựng kết nối kinh tế, giúp nâng cao tính cạnh tranh của chuỗi nhờ việc đáp ứng tốt hơn về thời gian. Nghiên cứu của *Grigoras (2016)* bàn về khả năng ứng dụng của kinh tế chia sẻ và chỉ ra rằng đây là một sự kết hợp “trong mơ” vì kinh tế chia sẻ đặc biệt mang lại lợi ích cho nền kinh tế. *FinancialPost (2017)* lại phân tích về lợi ích của kinh tế chia sẻ đối với các đối tượng hưởng lợi khác nhau và là chủ thể của chuỗi cung ứng. Nghiên cứu chỉ ra rằng kinh tế chia sẻ là chìa khóa cho sự tồn tại của những người sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ khi tham gia vào chuỗi cung ứng chứ họ không bị loại ra khỏi cuộc chơi.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được cho là đã bắt đầu từ vài năm gần đây. Đó là cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano... với nền tảng là các đột phá của công nghệ số (*Hồ*

Tú Bảo, 2017). Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 sẽ diễn ra trên 3 lĩnh vực chính, gồm: Công nghệ sinh học, Kỹ thuật số và Vật lý. Những yếu tố cốt lõi của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là: Trí tuệ nhân tạo (AI), Vạn vật kết nối- Internet of Things (IoT) và Dữ liệu lớn (Big Data). (Klaus Schwab, 2016). Công nghệ số có phần chung rất lớn với công nghệ thông tin, đó là phần quản trị và xử lý dữ liệu được số hoá. Trải qua các làn sóng của công nghệ số, những đột phá trong thời gian gần đây như điện toán đám mây, thiết bị di động thông minh, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn (Big data), sử dụng internet cho tất cả (Internet of Things) đang tạo điều kiện cho sản xuất thông minh được thực hiện rộng rãi, mở đầu cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Dữ liệu lớn là một khía cạnh của Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang được dự báo là có tiềm năng áp dụng rộng rãi trên thế giới. Áp dụng với nông nghiệp trong Cách mạng Công nghiệp 4.0, nếu ta muốn nuôi trồng một số “cây và con” để tham gia thị trường quốc tế, thì rất cần biết ở những nơi khác ai cũng nuôi trồng những cây và con này, sản lượng các nơi đó có thể là bao nhiêu, nhu cầu thị trường ra sao (Sjaak Wolfertab và các cộng sự, 2017). Cần thu thập dữ liệu về những điều này và từ đó tính toán để có những dự báo và quyết định xác đáng.

Như đã viết ở trên, mặc dù khái niệm CMCN 4.0 mới xuất hiện lần đầu từ năm 2013 nhưng hình thái của nó đã có từ khoảng 5-10 năm trước đó và kể từ đó đã có các nghiên cứu về tính ứng dụng của nó trong kinh tế. Nghiên cứu của Narula (2009) nhấn mạnh vai trò của công nghệ thông tin (IT) trong việc quản trị phát triển chuỗi cung ứng trước tốc độ công nghiệp hóa và sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong nông nghiệp. Narula khẳng định công nghệ thông tin (IT) sẽ là công cụ đắc lực giúp biến những ý tưởng quản trị “không tưởng” trong nông nghiệp trở thành hiện thực thông qua việc cung cấp thông tin cho các chủ thể trong chuỗi để ra các quyết định bán ở đâu, giá cả như thế nào, dần dần xóa bỏ vai trò của các thương nhân trung gian. IT giúp thuận lợi hóa dòng thông tin xuôi ngược giữa khách hàng và nhà sản xuất. Các bên dễ dàng nắm bắt thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hoạt động sản xuất nông nghiệp và tiêu chuẩn chất lượng. Hơn nữa, IT còn giúp hệ thống vận tải và quản trị thu mua sản phẩm trở nên dễ dàng hơn, hiệu quả hơn. IT cũng giúp tiếp cận dễ dàng hơn với các thông tin về luật pháp, hệ thống tài chính, các quy định của thị trường, xây dựng cơ sở hạ tầng thị trường, ký kết hợp đồng, xây dựng thương hiệu, xây dựng kênh phân phối sản phẩm. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, tác giả chưa tìm thấy một mô hình nghiên cứu định lượng hoàn chỉnh để chỉ rõ được tầm quan trọng của từng mối liên hệ giữa các đối tác nhằm tăng cường sự hợp tác trong chuỗi cung ứng. Cụ thể khi nghiên cứu về sự hợp tác trong chuỗi cung ứng bằng nhiều cách thức và phương pháp khác nhau, các tác giả đã chứng minh rằng dù là chuỗi nội bộ hay chuỗi mở rộng, một khi các chủ thể càng hợp tác liên kết với nhau thì chuỗi mới bền vững và phát huy hiệu quả. Nghiên cứu của Wolfert, Ge et al. (2017) nói về tính ứng dụng của mô hình trang trại thông minh trong nông nghiệp. Trang trại thông minh là một sự phát triển nhấn mạnh việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong chu trình quản lý trang trại ảo. Các công nghệ mới như Internet của tất cả và quản lý kiểu đám mây dự kiến sẽ thúc đẩy sự phát triển này và giới thiệu nhiều robot hơn và trí thông minh nhân tạo trong nông nghiệp. Điều này được bao quanh bởi hiện tượng Big Data - dữ liệu khối lượng lớn với nhiều loại khác nhau có thể được thu thập, phân tích và sử dụng cho quá trình ra quyết định.

Đánh giá này nhằm mục đích thu thập thông tin sâu sắc về ứng dụng Big Data trong nông nghiệp thông minh và xác định những thách thức kinh tế xã hội liên quan cần được giải quyết. Sau một cách tiếp cận có cấu trúc, một khuôn khổ khái niệm để phân tích đã được phát triển và cũng có thể được sử dụng cho các nghiên cứu trong tương lai về chủ đề này. Tổng quan cho thấy phạm vi áp dụng các ứng dụng dữ liệu lớn trong Nông nghiệp thông minh vượt xa sản xuất sơ cấp; nó ảnh hưởng đến toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm. Dữ liệu lớn đang được sử dụng để cung cấp những hiểu biết tiên đoán trong hoạt động nông nghiệp, thúc đẩy các quyết định về hoạt động trong thời gian thực và thiết kế lại quy trình kinh doanh cho các mô hình kinh doanh thay đổi trò chơi. Một số tác giả cho rằng Big Data sẽ gây ra những thay đổi lớn trong vai trò và mối quan hệ quyền lực giữa những đối tượng khác nhau trong các mạng lưới chuỗi cung cấp lương thực hiện tại. Phong cảnh của các bên liên quan thể hiện một trò chơi thú vị giữa các công ty công nghệ cao, các nhà đầu tư mạo hiểm và thường là khởi nghiệp nhỏ và những người mới tham gia. Đồng thời có một số tổ chức công cộng công bố dữ liệu mở, với điều kiện là sự riêng tư của mọi người phải được đảm bảo (*Sjaak Wolfertab và các cộng sự, 2017*). Như vậy, từ khía cạnh kinh tế xã hội, các tác giả đề xuất nghiên cứu ưu tiên cho các vấn đề tổ chức liên quan đến các vấn đề quản trị và mô hình kinh doanh phù hợp để chia sẻ dữ liệu trong các kịch bản chuỗi cung ứng khác nhau.

Ở một khía cạnh khác, *Sparapani (2017)* đề cập đến ứng dụng của Dữ liệu lớn tới cải thiện sản xuất trong nông nghiệp. Các cảm biến trên đồng ruộng và cây trồng đang bắt đầu cung cấp các điểm dữ liệu hạt về điều kiện đất, cũng như thông tin chi tiết về gió, nhu cầu phân bón, lượng nước sẵn có và dịch hại. Các đơn vị GPS trên máy kéo, kết hợp và xe tải có thể giúp xác định việc sử dụng tối ưu các thiết bị nặng. Phân tích số liệu có thể giúp ngăn ngừa hư hỏng bằng cách di chuyển các sản phẩm nhanh hơn và hiệu quả hơn. Những chiếc máy bay không người lái, hoặc máy bay không người lái, có thể tuần tra các cánh đồng và cảnh báo cho nông dân để làm chín cây hoặc những vấn đề tiềm ẩn. Các hệ thống truy xuất nguồn có thể cung cấp luồng dữ liệu liên tục trên các sản phẩm nông nghiệp khi chúng di chuyển qua chuỗi cung ứng, từ trang trại đến phân compost hoặc thùng rác. Các nhà máy riêng lẻ có thể được theo dõi về các chất dinh dưỡng và tốc độ tăng trưởng. Analytics hướng đến tương lai giúp xác định các loại cây trồng tốt nhất để trồng, xét cả tính bền vững và lợi nhuận. Công nghệ nông nghiệp cũng có thể giúp nông dân phòng ngừa tổn thất và thậm chí cả dòng tiền (*Tim Sparapani, 2017*).

Thị trường phần mềm cho các loại công cụ nông nghiệp chính xác này (như giám sát sản lượng, lập bản đồ hiện trường, khảo sát mùa màng và dự báo thời tiết) dự kiến sẽ tăng trưởng 14% vào năm 2022 ở Hoa Kỳ. Các nhà nghiên cứu cho rằng việc áp dụng trên diện rộng các công nghệ này làm tăng năng suất nông nghiệp nhanh chưa từng thấy kể từ khi cơ giới hóa.

Đối với người tiêu dùng, các bộ cảm biến đóng gói phát hiện khi phát ra khi thực phẩm bắt đầu hư hỏng và kiểm tra tính toàn vẹn và độ tươi của bao bì. Các thuật toán thậm chí có thể giúp tạo ra một công thức ra khỏi bất cứ thứ gì bạn có trong phòng đựng thức ăn. Một số công ty mới thành lập đang xây dựng các máy quét cỡ ngón tay cho biết thành phần thức ăn trên đĩa của bạn, từ các nguyên liệu đến nội dung dinh dưỡng bằng cách gửi dữ liệu đến một ứng dụng trên điện thoại thông

minh của bạn. Những ứng dụng này không những giúp ích cho người tiêu dùng về sức khỏe mà còn với những người nhạy cảm về hóa học hoặc dị ứng thức ăn. Một số dự báo nói rằng nó có thể giúp giảm chi phí chăm sóc sức khỏe nói chung, vì người tiêu dùng ngày càng được trao quyền để tùy chỉnh dinh dưỡng của họ và tránh thức ăn hư hỏng hoặc bị ô nhiễm.

Cũng đề cập về tính ứng dụng của Dữ liệu lớn trong phát triển kinh tế, nghiên cứu của *Lessor (2014)* phân tích cơ hội thu thập và phân tích dữ liệu đã làm ảnh hưởng đến mọi thị trường, từ chăm sóc sức khỏe đến bán lẻ. Và mặc dù trang trại có thể không phải là nơi đầu tiên mà mọi người coi là mục tiêu hàng đầu cho dịch vụ công nghệ thông tin và đám mây, thì cơ hội rõ ràng vẫn tồn tại. Trên thực tế, trang trại phụ thuộc rất nhiều vào cải tiến nhỏ về hiệu quả hoạt động và quy trình để tăng năng suất cây trồng, quản lý rủi ro và tạo ra lợi nhuận cao hơn. Điều này đặc biệt đúng đối với hoạt động kinh doanh nông nghiệp quy mô lớn, nơi có sự tham gia của các cây hàng hóa và những điều chỉnh quy trình nhỏ có tác động lớn đến sản xuất. Báo cáo này đánh giá một loạt các dịch vụ điều khiển dữ liệu, có thể có một vai trò quan trọng để chơi trên trang trại.

Phân tích sâu hơn về các lợi ích của kinh tế chia sẻ, nghiên cứu của *Watkins (2017)* đi vào khía cạnh giải thích bản chất của kinh tế chia sẻ là một mô hình kinh doanh kết nối doanh nghiệp đơn lẻ sang một nền kinh tế (chứ không phải các chủ thể rời rạc) có tính chia sẻ. Nghiên cứu của *Miralles, Dentoni et al. (2017)* mô tả về cách thức tổ chức kinh tế chia sẻ, lấy kinh nghiệm thực tế từ tái tổ chức mạng lưới cung cấp thực phẩm tại Valencia khi việc triển khai kinh tế chia sẻ.

Người tiêu dùng ở khu vực châu Á Thái Bình Dương rất tích cực tham gia vào kinh tế chia sẻ, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Philippines, Ấn Độ. Thu nhập của người tiêu dùng thông qua kinh tế chia sẻ ước vượt mức 3,5 tỷ đô la vào năm 2017, với tốc độ tăng trưởng trên 25%. Chỉ 22% người tiêu dùng trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương không muốn chia sẻ tài sản, trong khi tỷ lệ này trên thế giới là 32% (Forbes, 2017).

Theo Nielsen (2013), tỷ lệ tham gia kinh tế chia sẻ trên toàn cầu trung bình là 69%. Trong đó khu vực châu Á-Thái Bình Dương là 77%, tiếp theo là Mỹ La Tinh (76%), Trung Đông và Châu Phi (72%), Bắc Mỹ (60%) và Châu Âu (57%). Nghiên cứu chỉ ra rằng 69% người tiêu dùng đã sử dụng Internet để chia sẻ phản hồi của họ đối với dịch vụ chia sẻ, 54% người dùng sử dụng mạng xã hội, 32% sử dụng các website của nhà sản xuất và 30% người dùng sử dụng web của nhà bán lẻ để bình luận về dịch vụ chia sẻ. 68% người tham gia khảo sát của Nielsen (2013) cho biết rằng họ tham gia kinh tế chia sẻ thông qua việc gia tăng công suất sử dụng tài sản của bản thân như xe đạp, dụng cụ, vật dụng gia đình, xe hơi, nhà cửa... để kiếm thêm thu nhập. Tuy ban đầu yếu tố thúc đẩy kinh tế chia sẻ là do môi trường kinh tế suy thoái và giảm lương khiến người tiêu dùng muốn chia sẻ tài sản để kiếm thêm tiền, song theo Forbes (2017) nguồn tiền nhỏ này tích lũy lại đã trở thành một nguồn thu nhập lớn đến 3,5 tỷ USD.

Nghiên cứu của Nielsen (2015) cho rằng Việt Nam là một khu vực năng động, sẵn sàng đón đầu phát triển kinh tế chia sẻ. Dù trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về kinh tế chia sẻ, và tuy kinh tế chia sẻ là chủ đề khá “nóng” trên các diễn đàn kinh tế của Việt Nam, song chỉ được trình bày dưới dạng các bài viết bình luận về một số ứng dụng của kinh tế chia sẻ như uber, grab...

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Kinh tế thế giới dựa trên thúc đẩy tiêu dùng và sản xuất hàng loạt, vốn được ưa chuộng suốt thế kỷ 19 và 20, đã bộc lộ một số vấn đề về chi phí sản xuất, lãng phí tiêu dùng, tận dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất. Trong khi đó, ngày nay, người mua và người bán ngày càng có xu hướng tận dụng tốt hơn các sản phẩm và nguồn lực sản xuất của nền kinh tế. Kinh tế chia sẻ ra đời để đáp ứng những yêu cầu đó. Theo đó, kinh tế chia sẻ tạo nên chuỗi hệ thống giá trị kinh doanh, hợp tác giữa các bên để tạo ra giá trị cho sản phẩm, mỗi một cá nhân trong chuỗi đó sẽ hưởng một phần giá trị tạo ra trong chuỗi và cùng chia sẻ với nhau. Tiền đề thúc đẩy kinh tế chia sẻ là sự tiến bộ của khoa học công nghệ. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra nền tảng vững chắc giúp thông tin liên lạc trở nên dễ dàng, việc chuyên chở hàng hóa giữa các quốc gia được bảo đảm và thuận lợi, thúc đẩy các liên kết kinh tế trên toàn thế giới, tạo điều kiện cho kinh tế chia sẻ phát triển.

III. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU CỦA HỌC PHẦN

Tuy là nền kinh tế hội nhập muộn hơn nhiều nước khác trên thế giới, nhưng Việt Nam lại là nền kinh tế cởi mở, sẵn sàng hội nhập và tiếp thu những biến đổi của kinh tế thế giới. Kinh tế chia sẻ được quan tâm ở Việt Nam từ những năm 2013 nhờ sự thành công của Uber và Grab (công ty cung cấp dịch vụ vận tải giao dịch thương mại điện tử về vận tải hành khách), và nhanh chóng được các doanh nghiệp Việt Nam đón nhận và vận dụng trong nhiều ngành không chỉ ở lĩnh vực vận tải mà cả ở các lĩnh vực dịch vụ nhà ở, du lịch, giáo dục, bệnh viện, thực phẩm... Kinh tế chia sẻ đã trở thành một xu hướng phát triển của kinh tế thế giới và tận dụng kinh tế chia sẻ sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu thông qua việc tận dụng có hiệu quả các nguồn lực sản xuất, khả năng trực tiếp cung cấp sản phẩm cho người mua nhờ thông tin thông suốt và năng lực vận tải toàn cầu. Tạp chí Times của Mỹ năm 2011 đã bình chọn mô hình kinh tế chia sẻ là một trong 10 ý tưởng đổi mới nhất mang lại lợi ích cho cộng đồng. Vì vậy, việc nghiên cứu kinh tế chia sẻ dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là cần thiết, xét cả về mặt lý luận và thực tiễn.

IV. BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI

KTCS hiện nay đang là một trong những chủ đề thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà kinh tế và nhà nghiên cứu. Theo điều tra của một dự án nghiên cứu do PricewaterhouseCoopers thực hiện, số liệu đã thể hiện chỉ với 5 lĩnh vực chính bao gồm: du lịch, vận tải, tài chính, nhân lực, dịch vụ video trực tuyến và ca nhạc ứng dụng mô hình KTCS trong kinh doanh có tiềm năng làm tăng doanh thu toàn cầu từ 15 tỷ đô-la trong năm 2014 lên tới khoảng 335 tỷ đô-la trong năm 2025 (PricewaterhouseCoopers, 2015, 14).

Bản chất của mô hình KTCS là trong đó người tham gia cùng nhau tiếp cận với sản phẩm hoặc dịch vụ hơn là sở hữu cá nhân về sản phẩm hoặc dịch vụ đó. Hiện tượng này bắt nguồn từ sự mong muốn của người tiêu dùng đang ngày càng có nhu cầu kiểm soát lượng tiêu dùng của họ thay vì "nạn nhân thụ động" của tiêu dùng. Mô hình tiêu dùng hợp tác được sử dụng trong các thị trường trực tuyến cũng như các lĩnh vực mới nổi như cho vay xã hội, cho

thuê nhà, thuê dịch vụ du lịch, tư vấn du lịch, chia sẻ xe hơi cá nhân v.v... Có thể nói rằng với KTCS, người ta có thể cho người lạ thuê bất cứ thứ gì đang không sử dụng thậm chí kể cả nhà máy, máy móc nông nghiệp, v.v. thông qua các công ty cung cấp nền tảng (platform) kết nối bằng internet, mà bên thuê và bên cho thuê biết rõ thông tin của nhau. Với mô hình này, nhiều người sẽ không cần phải mua những thứ có thể thuê, chủ sở hữu có thể kiếm tiền từ tài sản đang tạm thời nhàn rỗi của mình, người sử dụng phải trả phí cho tài sản hoặc dịch vụ mình được sử dụng và có lợi ích được thỏa mãn từ việc sử dụng đó, các nền tảng cũng có lợi ích từ dịch vụ kết nối thông qua việc định giá hoặc thu phí của các bên còn lại, hoặc dựa vào việc khai thác dữ liệu, cung cấp dịch vụ quảng cáo .v.v. Thông qua sự hỗ trợ của thiết bị công nghệ cao trong bối cảnh phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ngày nay, cơ sở hạ tầng cứng và hạ tầng mềm có thể đáp ứng tốt kết nối trong nền KTCS. Nói một cách ngắn gọn, bản chất của mô hình KTCS là một mô hình kinh doanh mới của kinh doanh ngang hàng, tận dụng lợi thế của phát triển công nghệ số giúp tiết kiệm chi phí giao dịch và tiếp cận một số lượng lớn khách hàng thông qua các nền tảng số.

CHƯƠNG 1. KHÁI LUẬN VỀ KINH TẾ CHIA SẺ

1.1. KHÁI NIỆM KINH TẾ CHIA SẺ

1.1.1. Bản chất kinh tế chia sẻ

Kinh tế chia sẻ được định nghĩa là hành động và quá trình phân phối hàng hóa giữa những người sử dụng hay trao đổi sản phẩm (Belk, 2007). Ban đầu Chia sẻ được thực hiện trong nội bộ gia đình, người thân, người quen để thể hiện sự quan tâm lẫn nhau (Belk 1988 & Belk 2013). Sau đó, hoạt động “chia sẻ ngoài” hay tiêu dùng chung phát triển giữa những người không quen biết, có thể chia sẻ về không gian, sản phẩm, kiến thức, việc làm và hành động chia sẻ thường được thực hiện một cách ngẫu nhiên vì lợi ích kinh tế (Belk, 2014.) Dần dần, kinh tế chia sẻ phát triển thành một mô hình kinh tế, tạo thành chuỗi hệ thống giá trị kinh doanh, tức sẽ có sự hợp tác giữa các bên để tạo ra giá trị, mỗi một cá nhân trong đó sẽ hưởng một phần phần giá trị và chia sẻ với nhau. Trong mô hình kinh doanh này, sẽ không một ai bỏ vốn đầu tư toàn bộ, lợi nhuận cũng không một mình ai hưởng cả, do đó tồn thất trong kinh doanh được giảm thiểu nhờ sự chia sẻ rủi ro giữa các bên. Kinh tế chia sẻ khai thác các yếu tố tài nguyên sẵn có của người dùng cuối cùng và kết hợp với các yếu tố công nghệ để hợp thành một mô hình kinh doanh. Mô hình này thường do các doanh nghiệp khởi nghiệp khởi xướng – đối tượng này không sở hữu bất kỳ một nhà máy hay một kho hàng nào nhưng lại có cả một kho tài nguyên sẵn có trên toàn cầu và luôn sẵn sàng gia nhập vào hệ thống.

Trên thực tế có rất nhiều định nghĩa khác nhau về KTCS, hay nói một cách khác là không có một định nghĩa chung cho tất cả mọi trường hợp hay mọi quốc gia. Mức độ rộng hẹp của các định nghĩa cũng khác nhau, cũng như các định nghĩa có thể xuất phát từ các góc nhìn khác nhau. KTCS (sharing economy) còn được gọi theo nhiều tên khác nhau như kinh tế cộng tác (collaborative economy), kinh tế theo cầu (on-demand economy), kinh tế nền tảng (platform economy), kinh tế truy cập (access economy), kinh tế dựa trên các ứng dụng di động (app economy), v.v... (Cristiano Codagnone and Bertin Martens, 2016). Ranh giới giữa các khái niệm có sự đồng nhất và không đồng nhất ở một số khía cạnh, tuy nhiên nhìn chung, tất cả các tên gọi khác của mô hình KTCS đều có bản chất là *một mô hình kinh doanh mới của kinh doanh ngang hàng, tận dụng lợi thế của phát triển công nghệ số giúp tiết kiệm chi phí giao dịch và tiếp cận một số lượng lớn khách hàng thông qua các nền tảng số*. Đây là một phương thức kết nối mới giữa người mua (người dùng) và người bán (người cung cấp) đối với một hoạt động kinh tế.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018), KTCS là khái niệm gắn liền với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghệ số. Mô hình KTCS là một hệ thống kinh tế mà ở đó tài sản hoặc dịch vụ được chia sẻ dùng chung giữa các cá nhân, hoặc không phải trả tiền hoặc không trả một khoản phí, với tính chất điển hình là thông qua các công cụ Internet. Đây là một phương thức kết nối mới giữa người mua (người dùng) và người bán (người cung cấp) đối với một hoạt động kinh tế.

Theo nghĩa rộng, kinh tế chia sẻ thể hiện sự thay đổi phương thức chuyển giao sản phẩm từ chỗ chỉ mua sản phẩm sang cung cấp hệ thống dịch vụ sản phẩm theo yêu cầu. Theo đó, các nhà cung cấp dịch vụ liên quan đến sản phẩm sẽ kết nối với nhau để cung cấp sản phẩm với điều kiện tốt nhất.

1.1.2. Đặc trưng của kinh tế chia sẻ

Theo phân loại của Judith Wallenstein và Urvesh Shelat (Wallenstein & Shelat, 2017) KTCS được chia ra làm ba loại bao gồm: Mô hình nền tảng tập trung (doanh nghiệp cung cấp nền tảng sở hữu tài sản và định giá dịch vụ), mô hình nền tảng phi tập trung (doanh nghiệp cung cấp nền tảng chỉ tạo ra môi trường nền tảng, thành phần cung cấp dịch vụ là sở hữu tài sản và cũng quyết định giá dịch vụ), mô hình nền tảng hỗn hợp (đối tượng sở hữu tài sản cung cấp dịch vụ với giá do nền tảng đưa ra và đối tượng cung cấp nền tảng đóng một phần vai trò trong việc đảm bảo chất lượng sản phẩm)

Những biểu tượng thành công của mô hình kinh tế này như Uber, Airbnb đã có thể tiến sâu vào đời sống của người dân và rất nhiều startup địa phương tại các nước đang phát triển đã gây được tiếng vang. Một số cái tên đã thành danh, như PlateCuluture (Malaysia) - cho phép người lạ đến dùng bữa tối, Triip.me (Việt Nam) - mỗi người dân địa phương trở thành hướng dẫn viên du lịch cho khách nước ngoài, Magpalitan.com (Philippines) - cho thuê và đổi các vật dụng cá nhân cũng như dịch vụ giữ trẻ và sửa chữa máy tính, Roomorama (Singapore) - cho thuê nhà (giống Airbnb)... (Hình 1.1)

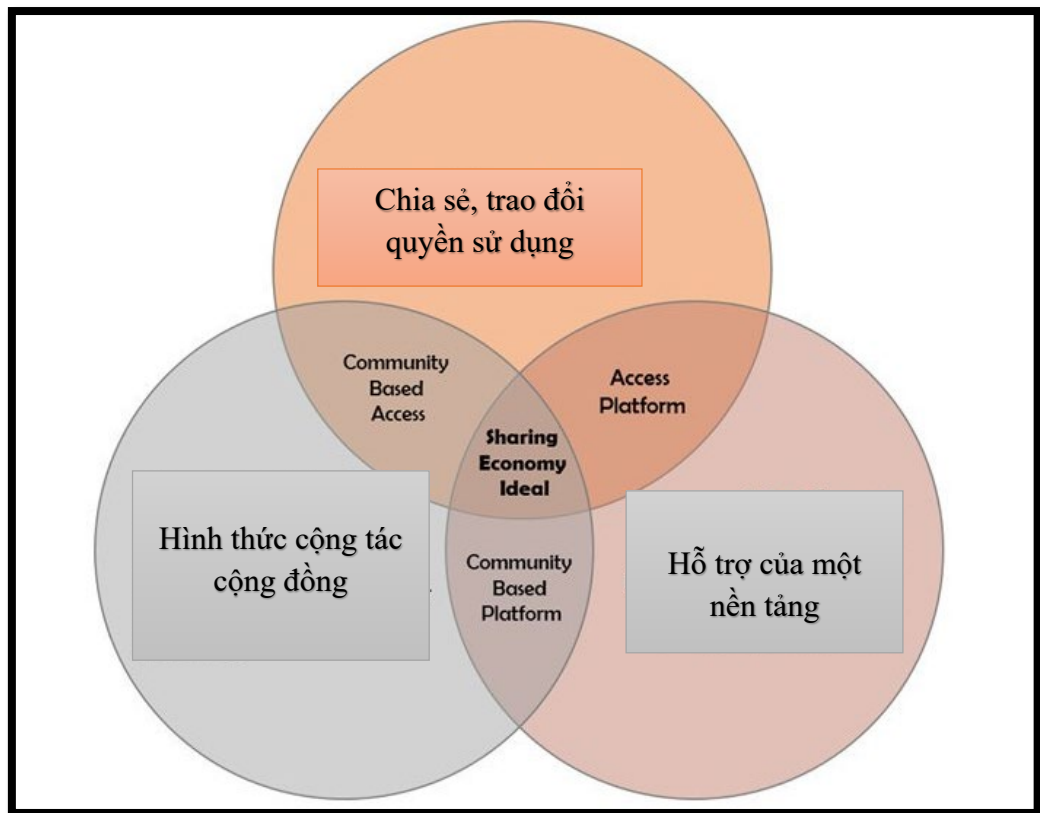


Hình 1. 1 Một số nền tảng ứng dụng kinh tế chia sẻ

Nguồn: <https://researchleap.com/sharing-economy-startups-new-wave-networked-business-models-changing-world/>

Như đã đề cập ở trên, có nhiều khái niệm về KTCS đã được các nhà kinh tế học hoặc các tổ chức giới thiệu, và các khái niệm này ít nhiều có những sự khác biệt. Tuy nhiên, trong

các định nghĩa đó, một số đặc trưng của KTCS được thống nhất. Tất cả các góc nhìn về KTCS đều cho thấy, KTCS có thể có đặc trưng của cả 3 yếu tố: kinh tế nền tảng (platform economy), kinh tế dựa trên cộng đồng (community-based economy) và kinh tế tiếp cận (access economy). Khi hội đủ tất cả các yếu tố đặc trưng của cả ba hình thức kinh tế kể trên, chúng ta sẽ có một nền KTCS hoàn hảo (sharing economy ideal) (Lorna Gold. Ashgate, 2004).



Hình 1.2 Ba thành tố chính của Kinh tế chia sẻ

Nguồn: The sharing economy: [Solidarity Networks Transforming Globalisation](#). (Lorna Gold. Ashgate, 2004).

Từ quan điểm của Lorna Gold có thể nhận thấy ba đặc trưng quan trọng của hình thức KTCS đó là: *Phương thức giao dịch thông qua sự hỗ trợ của một nền tảng (platform, Hình thức cộng tác cộng đồng và Chia sẻ, trao đổi quyền sử dụng*.

Phương thức giao dịch thông qua sự hỗ trợ của một nền tảng (platform economy):

Trên thực tế, mọi mô hình KTCS được triển khai đều sử dụng một phương thức giao dịch thông qua sự hỗ trợ của một nền tảng được cung cấp bởi bên thứ 3, ví dụ như hệ thống Grab là hệ thống nền tảng trung gian giúp người đi xe tìm được tài xế. Có thể nói nếu không có sự phát triển lớn mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu của nền tảng công nghệ thông tin từ hạ tầng mạng tới các sản phẩm đầu cuối đặc biệt là các sản phẩm di động cá nhân thì không thể có mô hình KTCS như hiện nay.

Tuy nhiên các nền tảng trong mô hình KTCS có những đặc điểm riêng khác biệt so với các mô hình kinh doanh trên nền tảng số khác. Trong đó, đặc điểm nổi bật dễ nhận thấy là các nền tảng chia sẻ thường sử dụng mô hình giao dịch ngang hàng (peer-to-peer). Bên cạnh đó, các nền tảng này cũng thường áp dụng mô hình quản lý phân tán (distributed control) thay cho các mô hình quản lý tập trung. Trong các nền tảng phục vụ mô hình KTCS, hiệu quả của hệ thống sẽ gia tăng đáng kể khi quy mô người dùng đạt đến một ngưỡng nhất định nào đó. Ví dụ, khi số lượng tài xế tham gia hệ thống Grab đủ lớn, người đi xe sẽ luôn gọi được xe trong thời gian ngắn nhất với chi phí rẻ nhất. Khi dữ liệu người dùng trong các nền tảng KTCS đủ lớn, các mô hình thông minh sử dụng trí tuệ nhân tạo (artificial intelligent) sẽ được ứng dụng một cách hiệu quả để tạo ra sự tiện dụng cho người sử dụng với chi phí rất thấp. Đây là một lợi thế cạnh tranh cực lớn của mô hình KTCS so với các mô hình kinh tế khác.

Hình thức cộng tác cộng đồng (community-based economic):

Trong mô hình KTCS, mô hình tương tác chính là hình thức cộng tác cộng đồng, trong đó thường là các mô hình tương tác không dựa trên hợp đồng (non-contractual), không có sự phân cấp (non-hierarchical) và đôi khi là không vì lợi nhuận (non-monetized). Các nền tảng dựa trên công nghệ thông tin cho phép các mô hình tương tác này diễn ra thuận lợi với chi phí rất thấp. Trong đó công nghệ điện thoại di động thông minh cung cấp khả năng thực hiện các dịch vụ chia sẻ thời gian thực.

Hệ thống KTCS thường dựa trên một cộng đồng lớn những người có nhu cầu tương tự hoặc chung lợi ích với nhau để chia sẻ và trao đổi tài sản ít hữu hình như thời gian, không gian, kỹ năng, và tiền bạc, hay các tài sản hữu hình như phương tiện đi lại, phòng lưu trú .v.v. Một ví dụ sẽ Taskrabbit, mà phù hợp với người sử dụng cần thực hiện nhiệm vụ với "vận động viên" người kiếm được tiền bằng cách giúp họ hoàn thành của danh sách công việc phải làm. AirBnB giúp những người sở hữu nhà chia sẻ các căn phòng trống trong một khoảng thời gian nhất định. Tất cả các tương tác này đều không có một hợp đồng “đúng nghĩa” nào, và cũng không có sự phân cấp quản lý thực sự nào.

Chia sẻ, trao đổi quyền sử dụng:

Mô hình KTCS hoặc trao đổi, cho thuê quyền sử dụng (tiếp cận) các sản phẩm, dịch vụ mà không trao đổi quyền sở hữu. Đặc trưng này mang lại những lợi ích rất lớn cho mô hình KTCS. Cụ thể là sự tiết kiệm chi phí, giúp bảo vệ môi trường, tăng tính hiệu quả của nền kinh tế, giảm bớt sự lãng phí tài nguyên xã hội và sự dư thừa năng lực của các sản phẩm dịch vụ.

Không chỉ đạt được những hiệu quả về mặt kinh tế, KTCS còn làm thay đổi cách thức vận hành của nền kinh tế; thay đổi cách chúng ta tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ theo xu hướng tiện lợi và nhanh chóng hơn. Đồng thời thay đổi mối quan hệ giữa cá yếu tố trong mô hình kinh tế, một đối tượng có thể vừa đóng vai trò người tham gia cung cấp dịch vụ cũng chính là khách hàng. KTCS còn thay đổi cách thức hoạt động của các doanh nghiệp, dẫn tới sự thay đổi trong cách quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân sự lẫn quản trị tài chính. Đây chính là những yếu tố khiến mô hình nền KTCS có những tiềm năng phát triển lớn mạnh hơn nữa trong tương

lai, sẽ không chỉ là một thị trường ngách hay một hiện tượng nhất Đặc trưng của KTCS (KTCS) trong bối cảnh phát triển nông sản hiện nay ở Việt Nam :

- Kinh tế chia sẻ là một mô hình kinh tế năng động, hướng tới cân bằng lợi ích các bên và tối đa hóa lợi ích các bên. Bản chất của mô hình cần thể hiện rõ lợi ích của người sử dụng ứng dụng Kinh tế chia sẻ để các bên có thể trao đổi với nhau. Từ đó góp phần tăng hiệu quả kinh tế, cùng hưởng lợi, hướng tới lợi ích chung của mọi người trong đó có người điều hành platform.

- Người tham gia nền tảng Kinh tế chia sẻ có thể trao đổi quyền sử dụng các nguồn lực cho nhau nhưng chưa chắc đã trao đổi quyền sở hữu nguồn lực đó.

Mô hình kinh tế chia sẻ sử dụng platform/nền tảng công nghệ với các phần mềm thông minh để điều hành các hoạt động của các bên liên quan. (Trong khi các hoạt động tương tự nhưng không áp dụng kinh tế chia sẻ như taxi chẳng hạn sẽ sử dụng điều hành qua tổng đài viên thay nên sẽ không đảm bảo được tính khách quan như mô hình kinh tế chia sẻ).

1.1.3. Kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống

Nền kinh tế chia sẻ được bắt đầu manh nha khái niệm năm 1995, khởi điểm tại Mỹ với mô hình ban đầu có tính chất “chia sẻ ngang hàng” nhưng không rõ rệt. Rất nhanh chóng, kinh tế chia sẻ phát triển thành một mô hình kinh tế, tạo thành chuỗi hệ thống giá trị kinh doanh, có sự hợp tác giữa các bên để tạo ra giá trị, mỗi một cá nhân trong đó sẽ hưởng một phần phần giá trị và chia sẻ với nhau.

Thứ nhất, Nền móng cho sự xuất hiện của mô hình “kinh tế chia sẻ” là sự phát triển nhanh chóng của internet, tạo nền tảng giúp kết nối được giao dịch trên toàn thế giới. Các nguồn dữ liệu được cập nhật thường xuyên, dưới nhiều hình thức từ số liệu thống kê, đến mô tả, hình ảnh, video... Có đến gần 50% dân số thế giới ngày nay sử dụng internet để kết nối với người thân, bạn bè, để làm việc, thực hiện các giao dịch mua bán.

Hai là, lối sống hợp tác. Garret Hardin (1968) chỉ ra rằng nếu mỗi cá nhân trong cộng đồng hành động độc lập vì lợi ích của bản thân, không quan tâm đến lợi ích của tập thể, hậu quả sẽ là nguồn lực chung bị lãng phí. Trong khi đó, Kelly (2014) cho rằng hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa không thể phân bổ hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế và vì vậy mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ ra đời là tất yếu.

Ba là, lợi ích đạt được của nền kinh tế chia sẻ là rất lớn. Mô hình kinh tế này tạo ra những cơ hội để người tham gia có thể làm việc toàn thời gian, bán thời gian hoặc làm việc tự do, từ đó đem lại thu nhập tăng thêm bên cạnh công việc hiện có của người tham gia. Việc chia sẻ cũng đem lại cho người tiêu dùng khả năng được tiếp cận với những dịch vụ/tài sản mà họ không thể sở hữu. Đồng thời, giúp nâng cao phúc lợi xã hội, làm cho việc sử dụng tài sản vật chất và các nguồn lực nhân rỗi khác trở nên hiệu quả hơn, góp phần phát triển bền vững và giảm những tác động tiêu cực đến môi trường. Các đối tượng được hưởng lợi từ mô hình kinh tế chia sẻ là những công ty đã thành công, người sáng lập, chủ sở hữu, nhà đầu tư, nhân viên và người tiêu dùng.

Thông qua mô hình này giúp tiết kiệm chi phí, giúp bảo vệ môi trường, tăng tính hiệu quả của nền kinh tế, giảm bớt sự lãng phí tài nguyên xã hội và sự dư thừa năng lực của các sản phẩm dịch vụ. Đây chính là những yếu tố khiến kinh tế chia sẻ có những tiềm năng phát triển lớn mạnh hơn nữa trong tương lai, sẽ không chỉ là một thị trường ngách hay một hiện tượng nhất thời mà là tương lai của môi trường kinh doanh toàn cầu.

Kinh tế chia sẻ - mô hình kết nối để những người tiêu dùng có thể tận dụng nguồn lực của nhau được đánh giá là mô hình đem lại giá trị kinh tế cao, tác động tích cực đến người tiêu dùng cũng như những doanh nghiệp kinh doanh kiểu truyền thống.

Nền kinh tế chia sẻ được bắt đầu manh nha khái niệm năm 1995, khởi điểm tại Mỹ với mô hình ban đầu có tính chất “chia sẻ ngang hàng” nhưng không rõ rệt. Nó khởi đầu bằng dịch vụ website thông tin cho thuê quảng cáo, người tìm việc, việc tìm người... và giúp cho những cá nhân có thể kiếm được việc làm, kiếm được tiền quảng cáo. Cách mạng công nghiệp 4.0, với nền tảng là Internet tốc độ cao giúp việc kết nối các cá nhân trở nên dễ dàng hơn, việc chia sẻ và tiếp cận các nguồn thông tin trở nên thông thoáng hơn. Các nguồn dữ liệu được cập nhật thường xuyên, dưới nhiều hình thức từ số liệu thống kê, đến mô tả, hình ảnh, video... Thêm vào đó, cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra một nền tảng công nghệ hiện đại, theo đó, máy móc ngày càng được sử dụng nhiều hơn, lao động con người được sử dụng tinh vi hơn, các công cụ đa chức năng có công suất, hiệu quả cao ngày càng được sử dụng nhiều hơn, và vì vậy con người ngày càng có nhu cầu sử dụng chung nhằm tận dụng công suất, chức năng của sản phẩm.

Thực tế, mô hình chia sẻ đã có từ rất lâu dưới hình thức: thư viện, thuê xe, câu lạc bộ, phòng luyện tập, xe ôm, chia sẻ trong làng xã, thị trấn. Tuy nhiên, từ giữa thế kỉ 20, việc chia sẻ trở nên đắt đỏ và rắc rối hơn việc sở hữu, do sự bùng nổ của sản xuất hàng loạt (cách mạng công nghiệp). Từ đó xuất hiện chủ nghĩa tiêu dùng: xây dựng trên ý tưởng tin rằng việc tiêu dùng sẽ giúp người dân thấy hạnh phúc, việc tiêu dùng giúp nền kinh tế phát triển mạnh hơn. Ngày nay, xu hướng đảo ngược trở lại do việc chia sẻ dần trở nên rẻ hơn. Nền kinh tế chia sẻ thuộc một xu hướng lớn hơn bắt đầu từ thời Internet: xu hướng đảo ngược chủ nghĩa tiêu dùng.

Mô hình kinh doanh này thực sự phát triển mạnh mẽ khi nền kinh tế Mỹ rơi vào khủng hoảng năm 2008, người dân buộc phải thay đổi cách tiêu dùng để thích ứng với bối cảnh khó khăn. Việc “chia sẻ” những tài nguyên sẵn có bằng các ứng dụng công nghệ cùng những khoản lợi nhuận khổng lồ đem lại cho nhà cung ứng dịch vụ lẫn người cho thuê và sử dụng tài nguyên, đã khiến mô hình kinh doanh này nhanh chóng phát triển vượt ra khỏi biên giới Mỹ, lan rộng khắp châu Âu và toàn thế giới. Với nền tảng cách mạng công nghiệp 4.0, Internet được lan rộng, các trang như eBay và Craigslist giúp kết nối những người có và những người cần một cách hiệu quả hơn. Chia sẻ và tái phân phối tài nguyên bắt đầu rẻ đi so với mua đồ mới và vứt đồ cũ đi. Mọi người không chỉ là người mua mà còn có thể bán thông qua thương mại ngang hàng. Việc này giúp những thứ bị lãng phí do không dùng đến được tận dụng thông qua chia sẻ. Thông qua nền tảng công nghệ, con người bắt đầu thay đổi quan hệ với những thứ mình tư